

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2015 – 2020.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 89/2014/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa VIII, Kỳ họp thứ mười bốn về Quy định cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2015 – 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 09/TTr-SNNPTNT ngày 09 tháng 01 năm 2015 về việc ban hành Quy định cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2015 – 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2015 – 2020.



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy định cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2014 – 2020. / *Ullan*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- Ban chỉ đạo TW xây dựng nông thôn mới;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Kế Hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TV. UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC, P.KTCN;
- Lưu: VT, tcdanh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



ml
Lê Văn Thi



QUY ĐỊNH

Cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện

**Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2015 – 2020.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 05 /2015/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01
năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu xây dựng nông thôn mới

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nông thôn có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và từng bước hiện đại; kinh tế phát triển toàn diện và bền vững, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả; gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; phát triển sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh cao; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc; dân trí được nâng cao; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; hệ thống chính trị ở nông thôn trong sạch, vững mạnh.

2. Mục tiêu cụ thể

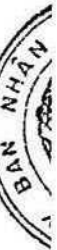
a) Phần đầu đến cuối năm 2015 có 18 xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới và huyện Tân Hiệp đạt tiêu chí huyện nông thôn mới. Số xã còn lại đạt ít nhất 50% số tiêu chí xã nông thôn mới.

b) Giai đoạn 2016 – 2020: Tiếp tục xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của các xã đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới. Đến năm 2020 có 59 xã (chiếm 50%) đạt tiêu chí nông thôn mới và nâng cao chất lượng các tiêu chí, số xã còn lại đạt từ 12 tiêu chí trở lên.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về cơ chế hỗ trợ vốn và cơ chế quản lý nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2015 – 2020.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thực hiện các hoạt động của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.



Chương II
CƠ CHẾ HỖ TRỢ VỐN VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ NGUỒN VỐN
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Điều 3. Cơ chế hỗ trợ vốn xây dựng nông thôn mới

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% vốn cho các hạng mục, công trình: Công tác quy hoạch; công tác đào tạo kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ xã, ấp, cán bộ hợp tác xã, tổ hợp tác; trụ sở xã; kiên cố công, đập; nạo vét các công trình thủy lợi tạo nguồn (kênh cấp II trở lên); đường trục xã, liên xã.

2. Đường trục ấp, liên ấp, các công trình giao thông theo tiêu chí nông thôn mới được thực hiện theo cơ chế: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần; phần còn lại huy động nhân dân, các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện.

3. Các công trình nhà văn hóa xã, nhà văn hóa ấp; trường học đạt chuẩn; trạm y tế xã; chợ nông thôn; nghĩa trang; hạ tầng phục vụ sản xuất thiết yếu và các công trình khác thực hiện theo cơ chế: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần; phần còn lại thực hiện xã hội hóa và huy động nhân dân, các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện.

4. Mô hình phát triển sản xuất: Thực hiện theo Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông và Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông.

5. Về đầu tư hệ thống cấp nước sạch nông thôn: Thực hiện theo Quyết định số 366/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012 – 2015.

Điều 4. Cơ chế quản lý nguồn vốn xây dựng nông thôn mới

Cơ chế quản lý vốn xây dựng nông thôn mới đối với các nội dung hỗ trợ theo Quy định này được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2013 và Thông tư liên tịch số 51/2013/ TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 của Liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính về việc hướng dẫn và sửa đổi, bổ sung một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 5. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, có trách nhiệm:



a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư hàng năm của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phân bổ chỉ tiêu vốn đầu tư cho Chương trình. Đề xuất phân bổ vốn hỗ trợ nhằm đảm bảo đúng mục tiêu, kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện vốn được phân bổ cho các địa phương.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn lực chung cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên cơ sở cân đối nguồn lực chung của toàn tỉnh.

b) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý các nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

3. Sở Tài chính:

Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng và thanh quyết toán các nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Luật Ngân sách nhà nước.

4. Các sở, ngành liên quan:

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc sử dụng vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hàng năm trên cơ sở mức hỗ trợ ngân sách nhà nước được phân bổ hàng năm và vốn huy động đóng góp tự nguyện của các cá nhân, tổ chức đảm bảo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo đúng mục tiêu, lộ trình đề ra.

b) Lập và phê duyệt các dự án, công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan trước ngày 15 tháng 10 hàng năm để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và thực hiện đầu tư cho năm sau.

c) Thẩm định và phê duyệt các dự án, công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông.

d) Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hỗ trợ các xã triển khai thực hiện các công trình, dự án từ việc lập dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự toán đến việc giải ngân, thanh quyết toán vốn đầu tư.

e) Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm báo cáo tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân các xã:

a) Xây dựng kế hoạch hàng năm gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan.

b) Thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục, quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, tổ chức thực hiện các công trình, dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả và thực hiện thanh quyết toán vốn đầu tư.

c) Huy động đóng góp tự nguyện của các cá nhân, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để đối ứng, đảm bảo thực hiện hoàn thành các công trình, dự án được hỗ trợ đúng tiến độ, yêu cầu chất lượng.

d) Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm báo cáo tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, các cơ quan, tổ chức phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *Vl*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Vl
Lê Văn Thi